TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCMT21
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CK57_Chi tiết máy 2 (2)		DC2CK33_Công nghệ kim loại (3)		DC3MT37_Điện tàu thủy (3)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC1CB20_Lý thuyết xác suất - thống kê (2)		DC2CK48_Nhiệt kỹ thuật (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC2CK58_Truyền động thủy lực và khí nén (2)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		510,000
1	65DCMT22520	Nguyễn Văn	Bảo	02/09/1996	5.8	C	7.2	B	6.5	C+	2.1	F	2.9	F	3.9	F	5.2	D+	5.8	C	5.8	C	3	45,000
2	65DCMT24384	Lê Văn	Bình	01/02/1996	6.9	C+	3.8	F	6.5	C+	2.1	F	1.7	F	2.1	F	7.5	B	2.9	F	6.6	C+	5	75,000
3	65DCMT23001	Nguyễn Duy	Bình	15/06/1995	5.9	C	4.3	D	6.3	C+	2.1	F	2.8	F	2.8	F	5.7	C	4.3	D	5.8	C	3	45,000
4	65DCMT23562	Nguyễn Quốc	Chiến	11/09/1996	8.0	B+	5.8	C	6.8	C+	7.7	B	6.9	C+	6.8	C+	7.1	B	7.2	B	7.5	B		
5	65DCMT23147	Nguyễn Văn	Hà	06/01/1996	7.6	B	5.8	C	6.2	C+	2.1	F	4.5	D	2.8	F	5.9	C	5.0	D+	7.5	B	2	30,000
6	65DCMT24452	Phạm Đình	Hòa	13/09/1996	7.1	B	3.8	F	6.6	C+	2.1	F	5.1	D+	3.5	F	4.6	D	4.9	D	6.5	C+	3	45,000
7	65DCMT23379	Trần Văn	Khánh	02/09/1996	6.5	C+	3.9	F	6.1	C+	2.1	F	6.1	C+	2.5	F	7.1	B	6.8	C+	3.6	F	4	60,000
8	65DCMT20991	Bùi Minh	Khuê	08/10/1996	5.8	C	4.2	D	7.0	B	2.1	F	2.5	F	7.4	B	4.1	D	6.8	C+	7.2	B	2	30,000
9	65DCMT24023	Nguyễn Thanh	Liêm	18/02/1995	6.3	C+	4.7	D	5.3	D+	2.1	F	6.2	C+	4.2	D	4.8	D	4.3	D	6.5	C+	1	15,000
10	65DCMT23146	Nguyễn Văn	Nghĩa	15/06/1996	8.6	A	3.9	F	6.3	C+	7.7	B	8.0	B+	7.0	B	4.8	D	7.2	B	7.9	B	1	15,000
11	65DCMT20971	Trần Đình	Ngọc	01/10/1996	5.1	D+	5.2	D+	6.1	C+	2.1	F	6.5	C+	2.8	F	4.7	D	6.4	C+	7.2	B	2	30,000
12	65DCMT22074	Lê Văn	Phú	15/03/1995			0.0	F	0.0	F			0.0	F	0.0	F	0.0	F			0.0	F		
13	65DCMT22075	Hoàng Văn	Trọng	28/04/1996	7.9	B	4.7	D	6.9	C+	4.9	D	3.5	F	5.6	C	4.8	D	5.0	D+	4.4	D	1	15,000
14	65DCMT21752	Nguyễn Đức	Trọng	17/11/1995	8.2	B+	3.9	F	6.5	C+	2.1	F	3.0	F	3.0	F	6.0	C+	3.3	F	5.4	D+	5	75,000
15	65DCMT21754	Bùi Xuân	Tú	12/11/1996	7.3	B	3.7	F	7.0	B	6.3	C+	3.2	F	6.1	C+	6.2	C+	4.7	D	5.4	D+	2	30,000

STT	HỌC PHẦN / SINH VIÊN			DC2CK57_Chi tiết máy 2 (2)		DC2CK33_Công nghệ kim loại (3)		DC3MT37_Điện tàu thủy (3)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC1CB20_Lý thuyết xác suất - thống kê (2)		DC2CK48_Nhiệt kỹ thuật (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC2CK58_Truyền động thủy lực và khí nén (2)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)														Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																510,000